

**Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện –
Công ty TNHH Một thành viên**

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019



Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện – Công ty TNHH Một thành viên

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 43

Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện – Công ty TNHH Một thành viên

THÔNG TIN CHUNG

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện - Công ty TNHH Một thành viên ("Tổng Công ty") là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100110006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 10 tháng 1 năm 2011 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi sau đó, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 9 được cấp ngày 15 tháng 6 năm 2015.

Hoạt động chính trong năm của Tổng Công ty là:

- ▶ Kinh doanh lĩnh vực nội dung số, thương mại điện tử, dịch vụ truyền hình, viễn thông, công nghệ thông tin;
- ▶ Cung cấp dịch vụ bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin theo quy định của pháp luật, tư vấn đầu tư trong lĩnh vực phát thanh truyền hình, viễn thông và công nghệ thông tin;
- ▶ Cung cấp, kinh doanh dịch vụ bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin, các dịch vụ truyền dẫn, dịch vụ truyền hình trên mạng viễn thông và kinh doanh thẻ điện thoại;
- ▶ Đại lý, môi giới, đấu giá dịch vụ bưu chính, dịch vụ viễn thông và internet, bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm, bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- ▶ Bán buôn, bán lẻ thiết bị linh kiện điện tử viễn thông, lập trình, tư vấn và sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi;
- ▶ Sản xuất các chương trình truyền hình, chương trình quảng cáo, phim ảnh và phát hành phim ảnh; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

Tổng Công ty có trụ sở chính tại Số 67B phố Hàm Long, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam và 2 chi nhánh tại số 65, phố Lạc Trung, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Các thành viên Hội đồng Thành viên trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lưu Vũ Hải	Chủ tịch
Ông Nguyễn Khả Dân	Thành viên
Ông Đàm Mỹ Nghiệp	Thành viên
Bà Lê Việt Thương Huyền	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đàm Mỹ Nghiệp	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2019 Nghỉ hưu ngày 1 tháng 4 năm 2019
Ông Hoàng Lê Sơn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Kinh Lộc	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Dương Thế Lương	Phó Tổng Giám đốc	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đàm Mỹ Nghiệp, Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Tổng Công ty.

Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện – Công ty TNHH Một thành viên

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện - Công ty TNHH Một thành viên ("Tổng Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty (sau đây gọi chung là "Tổng Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tổng Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tổng Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Tổng Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Tổng Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 ("báo cáo tài chính hợp nhất") để ngày 30 tháng 3 năm 2020.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc: 

Đan Mỹ Nghiệp
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2020

Số tham chiếu: 61464372/21042528

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc của
Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện - Công ty TNHH Một thành viên**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện - Công ty TNHH Một thành viên ("Tổng Công ty"), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2020 và được trình bày từ trang 5 đến trang 43, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng số 3.14 trình bày việc Tổng Công ty đã ký kết hợp đồng với một số đối tác, là các đơn vị quản lý vận hành dịch vụ nội dung, để cung cấp dịch vụ thanh toán trực tuyến cho khách hàng. Theo các hợp đồng này, Tổng Công ty là đơn vị cung cấp phương thức thanh toán trực tuyến bằng thẻ V-coin cho khách hàng của các đối tác này và Tổng Công ty không có quyền can thiệp vào các giao dịch đi từ tài khoản thanh toán trực tuyến của khách hàng. Tổng Công ty hiện đang ghi nhận doanh thu tương ứng với giá trị thẻ V-coin thu được từ khách hàng của đối tác để nạp tiền vào tài khoản thanh toán trực tuyến và ghi nhận giá vốn tương ứng với phần phải chia sẻ cho các đối tác. Giá trị doanh thu và giá vốn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 lần lượt là 386 tỷ VND và 364 tỷ VND (năm 2018: 556 tỷ VND và 530 tỷ VND). Dựa trên các nội dung, điều khoản hợp đồng đã được ký kết, Tổng Công ty không phải là chủ thể thực hiện cung cấp dịch vụ cho khách hàng mà chỉ cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán và theo đó, việc ghi nhận doanh thu, chi phí như trên là chưa phù hợp. Nếu ghi nhận đúng, doanh thu và giá vốn cung cấp dịch vụ của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 sẽ cùng giảm với số tiền là 364 tỷ VND (năm 2018: 530 tỷ VND).

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Bùi Anh Tuấn

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1067-2018-004-1



Nguyễn Thu Hằng

Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3342-2020-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2020

Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện –
Công ty TNHH Một thành viên

B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		681.915.654.604	890.396.770.971
	<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	4	101.466.864.451	106.534.009.555
110			97.366.864.451	82.534.009.555
111	1. Tiền		4.100.000.000	24.000.000.000
112	2. Các khoản tương đương tiền			
120	<i>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	5	94.050.000.000	58.050.000.000
	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		94.050.000.000	58.050.000.000
123				
130	<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>		441.866.525.248	689.532.797.922
	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	128.244.186.875	199.927.066.584
131				
	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	11.382.545.446	13.611.086.933
132				
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	337.113.979.384	509.262.915.162
	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6,7	(35.062.559.439)	(33.456.643.739)
137			188.372.982	188.372.982
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý			
140	<i>IV. Hàng tồn kho</i>	8	39.656.338.538	30.680.166.841
	1. Hàng tồn kho		40.469.099.172	31.429.737.475
141				
	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(812.760.634)	(749.570.634)
149				
150	<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>		4.875.926.367	5.599.796.653
	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	221.470.759	2.650.553.794
151				
	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		2.695.517.009	2.949.242.859
152				
	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	1.958.938.599	-
153				

Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện –
Công ty TNHH Một thành viên

B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		314.283.856.188	349.703.489.642
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		82.453.390.857	80.460.890.857
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	82.453.390.857	80.460.890.857
220	II. Tài sản cố định		137.635.868.474	174.162.117.137
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	136.993.537.096	171.933.039.737
222	Nguyên giá		532.024.539.580	529.645.964.642
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(395.031.002.484)	(357.712.924.905)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	642.331.378	2.229.077.400
228	Nguyên giá		14.363.265.972	14.262.865.972
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(13.720.934.594)	(12.033.788.572)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		1.743.407.183	976.463.605
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	1.743.407.183	976.463.605
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	13	92.079.092.411	92.419.031.973
251	1. Đầu tư vào công ty con	13.1	91.998.990.118	91.998.990.118
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	13.2	13.547.885.619	13.547.885.619
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	13.3	3.665.968.006	3.545.418.006
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(17.133.751.332)	(16.673.261.770)
260	V. Tài sản dài hạn khác		372.097.263	1.684.986.070
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	372.097.263	1.684.986.070
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		996.199.510.792	1.240.100.260.613

Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện –
Công ty TNHH Một thành viên

B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		737.546.855.192	813.936.463.233
310	I. Nợ ngắn hạn		737.546.855.192	795.381.189.833
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14.1	152.125.727.853	204.817.424.302
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14.2	116.049.025.197	108.481.448.778
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	6.179.271.599	6.932.494.152
314	4. Phải trả người lao động		27.501.804.053	35.861.156.361
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	61.828.265.702	38.352.076.218
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	17	115.805.455.659	113.282.197.794
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	62.650.645.095	62.959.395.749
320	8. Vay ngắn hạn	19	101.306.520.227	149.429.471.817
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn		2.307.032.727	1.079.806.163
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20	91.793.107.080	74.185.718.499
330	II. Nợ dài hạn		-	18.555.273.400
337	1. Phải trả dài hạn khác		-	789.321.000
338	2. Vay dài hạn	19	-	17.765.952.400
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		258.652.655.600	426.163.797.380
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	258.652.655.600	426.163.797.380
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		55.284.832.155	222.795.973.935
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		203.367.823.445	203.367.823.445
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		996.199.510.792	1.240.100.260.613

Người lập
Hoàng Bích Huệ

Kế toán trưởng
Trần Thị Lệ Hoa

Tổng Giám đốc
Đàm Mỹ Nghiệp

Ngày 30 tháng 3 năm 2020

Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện –
Công ty TNHH Một thành viên

B02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	1.484.060.782.346	2.011.830.944.138
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22.1	(48.273.545)	(121.954.458)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	1.484.012.508.801	2.011.708.989.680
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	23	(1.298.108.519.448)	(1.788.774.874.227)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		185.903.989.353	222.934.115.453
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	6.732.214.154	6.491.441.421
22	7. Chi phí tài chính	24	(8.477.387.682)	(9.997.535.944)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(7.806.697.750)	(8.879.486.888)
25	8. Chi phí bán hàng	25	(75.294.951.204)	(86.276.104.962)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(101.464.987.636)	(98.563.140.449)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		7.398.876.985	34.588.775.519
31	11. Thu nhập khác	26	14.585.676.178	48.940.415.210
32	12. Chi phí khác	26	(8.326.439.389)	(1.873.571.719)
40	13. Lợi nhuận khác		6.259.236.789	47.066.843.491
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		13.658.113.774	81.655.619.010
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28	(537.095.716)	(26.570.054.273)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		13.121.018.058	55.085.564.737

Người lập
Hoàng Bích Huệ

Kế toán trưởng
Trần Thị Lệ Hoa



Tổng Giám đốc
Đàm Mỹ Nghiệp

Ngày 30 tháng 3 năm 2020

Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện –
Công ty TNHH Một thành viên

B03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		13.658.113.774	81.655.619.010
02	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình	10,11	39.229.600.935	55.352.903.918
03	Các khoản dự phòng/(hoàn nhập dự phòng)		2.066.405.262	(135.014.168)
04	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(41.852.541)	545.353.015
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(16.586.476.636)	(38.639.588.763)
06	Chi phí lãi vay	24	7.806.697.750	8.879.486.888
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		46.132.488.544	107.658.759.900
09	Giảm các khoản phải thu		68.389.572.139	6.874.297.152
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho		(8.976.171.697)	8.777.356.868
11	Giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		(4.448.805.386)	(88.674.511.072)
12	Giảm chi phí trả trước		3.741.971.842	3.582.172.161
14	Tiền lãi vay đã trả		(7.728.798.268)	(8.879.486.888)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(6.053.212.272)	(13.699.311.608)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(14.751.009.563)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		91.057.044.902	888.266.950
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(842.832.578)	(14.143.358.392)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		-	136.163.637
23	Tiền chi cho vay		(36.000.000.000)	-
24	Tiền thu hồi cho vay		-	17.000.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		11.565.623.572	34.436.708.365
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động đầu tư		(25.277.209.006)	37.429.513.610

Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện –
Công ty TNHH Một thành viên

B03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		919.055.340.747	1.331.624.089.675
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(984.944.244.737)	(1.411.295.711.823)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(4.957.747.585)	(46.175.973.888)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(70.846.651.575)	(125.847.596.036)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(5.066.815.679)	(87.529.815.476)
60	Tiền đầu năm		106.534.009.555	193.901.108.566
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(329.425)	162.716.465
70	Tiền cuối năm	4	101.466.864.451	106.534.009.555

Người lập
Hoàng Bích Huệ

Kế toán trưởng
Trần Thị Lệ Hoa

Tổng Giám đốc
Đàm Mỹ Nghiệp

Ngày 30 tháng 3 năm 2020

Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện – Công ty TNHH Một thành viên

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện - Công ty TNHH Một thành viên ("Tổng Công ty") là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100110006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 10 tháng 1 năm 2011 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi sau đó, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 9 được cấp ngày 15 tháng 6 năm 2015.

Hoạt động chính trong năm của Tổng Công ty là:

- ▶ Kinh doanh lĩnh vực nội dung số, thương mại điện tử, dịch vụ truyền hình, viễn thông, công nghệ thông tin;
- ▶ Cung cấp dịch vụ bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin theo quy định của pháp luật, tư vấn đầu tư trong lĩnh vực phát thanh truyền hình, viễn thông và công nghệ thông tin;
- ▶ Cung cấp, kinh doanh dịch vụ bưu chính, viễn thông, và công nghệ thông tin, các dịch vụ truyền dẫn, dịch vụ truyền hình trên mạng viễn thông và kinh doanh thẻ điện thoại;
- ▶ Đại lý, môi giới, đấu giá dịch vụ bưu chính, dịch vụ viễn thông và internet, bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm, bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- ▶ Bán buôn, bán lẻ thiết bị linh kiện điện tử viễn thông, lập trình, tư vấn và sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi;
- ▶ Sản xuất các chương trình truyền hình, chương trình quảng cáo, phim ảnh và phát hành phim ảnh; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng.

Tổng Công ty có trụ sở chính tại số 67B phố Hàm Long, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam, 2 chi nhánh tại số 65, phố Lạc Trung, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 424 (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 534).

Cơ cấu tổ chức

Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc và các công ty con như sau:

Các đơn vị hạch toán phụ thuộc:

- ▶ Công ty VTC Công nghệ và Nội dung số; và
- ▶ Công ty VTC Dịch vụ Truyền hình số.

Các công ty con là công ty TNHH Một thành viên mà Tổng Công ty sở hữu 100% vốn:

- ▶ Công ty TNHH MTV Giải pháp Công nghệ Truyền thông VTC; và
- ▶ Công ty TNHH MTV Viễn thông số VTC.

**Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện –
Công ty TNHH Một thành viên**

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổng Công ty có 3 công ty con là các công ty cổ phần như sau:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động kinh doanh chính</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết</i>
Công ty Cổ phần VTC Dịch vụ Di động	Hà Nội	Đại lý, môi giới, đấu giá dịch vụ bưu chính, dịch vụ viễn thông và internet, bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm, bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông.	51%
Công ty Cổ phần Kinh doanh Thiết bị Truyền thông VTC	Hà Nội	Bán buôn, bán lẻ thiết bị linh kiện điện tử viễn thông, lập trình, tư vấn và sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi; bán buôn, bán lẻ thiết bị linh kiện điện tử viễn thông; lập trình, tư vấn và sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi.	51%
Công ty Cổ phần Netviet Truyền thông Đa phương tiện	Hà Nội	Sản xuất các chương trình truyền hình, chương trình quảng cáo, phim ảnh và phát hành phim ảnh.	51%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện – Công ty TNHH Một thành viên là công ty mẹ có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 13.1. Tổng Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng theo yêu cầu báo cáo của các cơ quan quản lý Nhà nước. Tổng Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 vào ngày 25 tháng 3 năm 2020.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng cần đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tổng Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Tổng Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho là các công cụ, dụng cụ với giá trị được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tổng Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tổng Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Tổng Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Tổng Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán riêng. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo, thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh và phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo thời hạn của hợp đồng thuê. Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10 năm
Thiết bị quản lý	2 - 6 năm
Bản quyền, bằng sáng chế	5 năm
Phần mềm máy tính	3 - 5 năm
Tài sản cố định khác	5 - 7 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tổng Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tổng Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam được nộp lại vào Ngân sách Nhà nước.

Tổng Công ty tạm trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp. Các khoản trích lập này có thể được điều chỉnh sau khi có kết quả xếp loại doanh nghiệp được phê duyệt bởi Bộ Thông tin và Truyền thông và Bộ Tài chính theo các quy định của Nhà nước.

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tổng Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Đối với các giao dịch bán hàng hóa là thẻ cào mệnh giá và mã thẻ điện thoại di động trả trước và thẻ trò chơi trực tuyến của các công ty cung cấp dịch vụ viễn thông và dịch vụ trò chơi trực tuyến, Ban Giám đốc Tổng Công ty đã đánh giá rằng Tổng Công ty đóng vai trò là chủ thể chính chịu trách nhiệm về rủi ro và lợi ích đối với các loại hàng hóa này, không phải là đại lý phân phối của các công ty cung cấp dịch vụ. Do đó, Tổng Công ty ghi nhận doanh thu cho các giao dịch này trên cơ sở gộp, nghĩa là doanh thu được ghi nhận tương ứng với giá trị thu được từ khách hàng và giá vốn được ghi nhận dựa trên giá trị phải trả cho các công ty cung cấp dịch vụ viễn thông và dịch vụ trò chơi trực tuyến.

Doanh thu cung cấp dịch vụ hợp tác thanh toán trực tuyến

Tổng Công ty đã ký kết hợp đồng với một số đối tác, là các đơn vị quản lý vận hành dịch vụ nội dung, để cung cấp dịch vụ thanh toán trực tuyến cho khách hàng. Theo các hợp đồng này, Tổng Công ty là đơn vị cung cấp phương thức thanh toán trực tuyến bằng mã thẻ cào hoặc thẻ V-coin cho khách hàng của các đối tác này và Tổng Công ty không có quyền can thiệp vào các giao dịch đi từ tài khoản thanh toán trực tuyến của khách hàng. Tổng Công ty hiện đang ghi nhận doanh thu và giá vốn từ các hợp đồng này trên cơ sở gộp, tức là hạch toán doanh thu tương ứng với giá trị được chia từ các nhà mạng viễn thông trên mệnh giá của thẻ được sử dụng hoặc giá trị thẻ cào V-coin thu được từ khách hàng của đối tác để nạp tiền vào tài khoản thanh toán trực tuyến và ghi nhận giá vốn tương ứng với phần phải chia sẻ cho các đối tác.

Doanh thu dịch vụ trò chơi trực tuyến

Doanh thu từ dịch vụ trò chơi trực tuyến được ghi nhận tại thời điểm người chơi nạp tiền vào tài khoản trò chơi trực tuyến.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ hoàn thành và cung cấp cho khách hàng.

Tiền cho thuê

Doanh thu từ cho thuê văn phòng theo hợp đồng thuê được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tổng Công ty được xác lập.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tổng Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản góp vốn liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Tổng Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	503.622.772	4.004.424.678
Tiền gửi ngân hàng	96.863.241.679	78.529.584.877
Các khoản tương đương tiền	4.100.000.000	24.000.000.000
TỔNG CỘNG	101.466.864.451	106.534.009.555

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn dưới 3 tháng và có lãi suất 5%/năm (năm 2018: 4,7%/năm).

Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện –
Công ty TNHH Một thành viên

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn	94.050.000.000	94.050.000.000	58.050.000.000	58.050.000.000
TỔNG CỘNG	94.050.000.000	94.050.000.000	58.050.000.000	58.050.000.000

Đầu tư tài chính ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng và có lãi suất từ 6,5%/năm đến 7,8%/năm (năm 2018: từ 6,8%/năm đến 7,1%/năm).

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn từ khách hàng	101.653.899.749	178.989.815.482
Ban Quản lý Dự án Nhà Quốc hội và hội trường Ba Đình	16.241.251.051	16.241.251.051
Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Quảng Ninh	9.240.946.274	51.751.648.712
Cục Phát thanh Truyền hình và Thông tin Điện tử	8.342.156.513	8.349.156.513
Công ty TNHH quảng cáo Vạn Tín Anh Minh	7.568.928.320	7.568.928.320
Truyền hình Quốc hội Việt Nam	4.789.250.000	-
Tập đoàn công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel)	2.643.450.051	1.226.328.325
Quỹ dịch vụ Viễn thông Công ích	-	20.224.800.000
Ban Quản lý Chương trình Cung cấp Dịch vụ Viễn thông Công ích	-	15.457.558.374
Phải thu các khách hàng khác	52.827.917.540	58.170.144.187
Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	26.590.287.126	20.937.251.102
TỔNG CỘNG	128.244.186.875	199.927.066.584
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(26.335.331.173)	(25.451.774.006)

**Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện –
Công ty TNHH Một thành viên**

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN (tiếp theo)

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trung tâm Tư vấn Kiểm định Địa chất nền móng công trình (HCM)	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần AirPay	1.543.514.450	-
Shanghai Unigame Information Technology Co., Ltd	697.500.000	3.465.675.000
Guangzhou Maichi Network Technology Co., Ltd	348.750.000	-
Công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ truyền thông Thanh Sơn	345.011.202	8.062.402
Công ty Cổ phần Phát triển Thể thao Điện tử Việt Nam	-	1.795.509.450
Các khoản trả trước khác	5.447.769.794	5.341.840.081
TỔNG CỘNG	11.382.545.446	13.611.086.933
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(3.830.923.889)	(3.670.570.847)

7. PHẢI THU KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
Ngắn hạn		
Đài VTC - Đài tiếng nói Việt Nam (**)	310.741.670.449	480.117.812.231
Lợi nhuận còn lại nộp Ngân sách nhà nước (*)	12.462.033.370	-
Tạm ứng cho nhân viên	4.424.244.175	5.846.871.679
Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia	2.722.526.058	7.555.700.614
Phải thu thuế nhà thầu và giá trị hợp đồng mua tài sản theo Biên bản Kiểm toán Nhà nước	1.255.160.677	1.255.160.677
Phải thu lãi tiền gửi	1.143.315.149	1.097.287.671
Ký quỹ, ký cược, đặt cọc	552.400.000	170.000.000
Tiền ủng hộ quỹ 1400 phải thu nhà mạng	-	8.270.113.380
Phải thu ngắn hạn khác	3.812.629.506	4.949.968.910
TỔNG CỘNG	337.113.979.384	509.262.915.162
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(4.896.304.377)	(4.334.298.886)
Trong đó:		
Phải thu ngắn hạn khác	333.345.474.782	500.733.897.564
Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	3.768.504.602	8.529.017.598
Dài hạn		
Tài sản cho mượn (***)	80.410.890.857	80.410.890.857
Phải thu dài hạn khác	2.042.500.000	50.000.000
TỔNG CỘNG	82.453.390.857	80.460.890.857

(*) Đây là khoản lợi nhuận phải thu lại Ngân sách nhà nước do đã nộp thừa năm 2018 sau khi có kết quả đánh giá doanh nghiệp theo Quyết định 2263/QĐ-BTTTT ngày 25 tháng 12 năm 2019.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC (tiếp theo)

- (**) Theo Nghị định số 132/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ, Quyết định số 1819/QĐ-BTTTT ngày 24 tháng 12 năm 2013 và Công văn số 3891/BTTTT-KHTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông ("Bộ TTTT"), Đài Truyền hình Kỹ thuật số VTC, một đơn vị trực thuộc của Tổng Công ty trước kia, đã được quyết định chia tách khỏi Tổng Công ty để trở thành một đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ TTTT kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2014. Bên cạnh đó, hai đơn vị trực thuộc khác là Báo Thể thao và Trung tâm Truyền thông VTC cũng được tách khỏi Tổng Công ty và sáp nhập với Đài Truyền hình Kỹ thuật số VTC (sau đây gọi chung là "Đài THKTS") kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2014.

Sau đó, theo Quyết định số 752 ký ngày 2 tháng 6 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ, Bộ TTTT đã có Biên bản bàn giao số 01/BBBG-BTTTT ngày 27 tháng 6 năm 2015 chuyển giao tổ chức bộ máy, lao động và các tổ chức đoàn thể của Đài THKTS về Đài Tiếng nói Việt Nam ("Đài VOV"). Số liệu tài sản, nợ phải trả và nguồn vốn chủ sở hữu bàn giao cho Đài VOV sẽ được xác định căn cứ vào các chỉ tiêu tài chính liên quan tại ngày 1 tháng 7 năm 2015 của Đài THKTS theo kết quả của Kiểm toán Nhà nước và phương án chia tách Đài THKTS được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Theo Thông báo số 559/TB-VPCP ngày 4 tháng 12 năm 2017, thông báo kết luận của Phó Thủ tướng Vương Đình Huệ, phương án chia tách, bàn giao Đài THKTS là Tổng Công ty bàn giao nguyên trạng tài sản – tài chính của Đài THKTS về Đài VOV, bảo đảm tuân thủ đúng quy định tại Quyết định số 752/QĐ-TTg. Vào ngày 20 tháng 12 năm 2017, Tổng Công ty và Đài THKTS đã ký biên bản bàn giao tài sản – tài chính, nguồn vốn đầu tư tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 cho Đài THKTS về Đài VOV dựa trên sổ sách kế toán tạm tính của Tổng Công ty. Sau đó, vào ngày 9 tháng 1 năm 2018, Bộ TTTT, Tổng Công ty và Đài VOV, Đài THKTS đã ký biên bản bàn giao tài sản – tài chính đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Đài THKTS về Đài VOV.

Vào ngày 16 tháng 12 năm 2019, Bộ Thông tin Truyền thông, Đài VOV, Tổng Công ty và Đài THKTS đã ký Biên bản bàn giao tài sản, tài chính từ Tổng Công ty cho Đài THKTS trong đó số liệu bàn giao chính thức mà Tổng Công ty sẽ thu Đài VOV là 299,2 tỷ đồng VND.

Thực hiện các quyết định chia tách nêu trên và trên cơ sở biên bản bàn giao giữa Bộ TTTT và Tổng Công ty với Đài VOV và Đài THKTS, Tổng Công ty đã tiến hành ghi giảm tài sản, nợ phải trả và điều chỉnh nguồn vốn chủ sở hữu liên quan đến Đài THKTS trên báo cáo tài chính của Tổng Công ty và ghi nhận một khoản phải thu đối với Đài VOV là 310.741.670.449 VND (bao gồm cả công nợ thương mại với Đài THKTS).

- (***) Đây là giá trị của 11 máy phát hình được mua theo phạm vi của Hợp đồng Hợp tác thành lập Công ty Cổ phần Truyền thông VTC – Saigon Tel số 10/HĐ-SGT ngày 11 tháng 11 năm 2010 với giá trị 80 tỷ VND. Các máy phát hình này đã được mua và lắp đặt vào hệ thống thu phát sóng truyền hình của Đài THKTS và đã được bàn giao cho Đài THKTS sử dụng theo các biên bản bàn giao tài sản giữa Đài THKTS và Tổng Công ty trong năm 2014. Số máy phát hình này hiện đang là đối tượng trong một vụ tranh chấp giữa Tổng Công ty và các cổ đông còn lại trong Công ty Cổ phần Truyền thông VTC – Saigon Tel và do đó, quyền sở hữu cũng như phương thức xử lý đối với các tài sản này sẽ được quyết định sau khi có phán quyết cuối cùng về vụ tranh chấp này từ Tòa án Nhân dân Thành phố Hà Nội (xem chi tiết tại Thuyết minh số 30). Trong khi chờ đợi phán quyết cuối cùng của Tòa án, số tài sản này đang được Đài THKTS sử dụng và được Tổng Công ty trình bày là tài sản cho mượn trên báo cáo tài chính riêng.

Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện –
Công ty TNHH Một thành viên

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	480.311.352	-	749.252.832	-
Công cụ, dụng cụ	29.015.280	-	37.815.280	-
Chi phí sản xuất				
kinh doanh dở dang	14.846.808.054	-	179.565.334	-
Hàng hóa	25.112.964.486	(812.760.634)	30.453.406.206	(749.570.634)
Hàng gửi đi bán	-	-	9.697.823	-
TỔNG CỘNG	40.469.099.172	(812.760.634)	31.429.737.475	(749.570.634)

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	749.570.634	747.940.119
Dự phòng trích lập trong năm	63.190.000	1.630.515
Số cuối năm	812.760.634	749.570.634

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Phí bản quyền phần mềm	49.233.667	2.366.691.936
Công cụ, dụng cụ	42.942.418	75.460.551
Khác	129.294.674	208.401.307
TỔNG CỘNG	221.470.759	2.650.553.794
Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ	208.548.626	804.001.843
Chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng	-	505.984.679
Khác	163.548.637	374.999.548
TỔNG CỘNG	372.097.263	1.684.986.070

**Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện –
Công ty TNHH Một thành viên**

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Đơn vị tính: VND					
Nguyên giá:					
Số dư đầu năm	175.338.710.828	333.318.212.262	19.813.735.028	1.175.306.524	529.645.964.642
- Tăng trong năm	-	2.602.952.272	-	-	2.602.952.272
- Giảm khác	(224.377.334)	-	-	-	(224.377.334)
Số dư cuối năm	175.114.333.494	335.921.164.534	19.813.735.028	1.175.306.524	532.024.539.580
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	45.313.740.441	243.967.312.550	10.242.775.029	900.331.979	300.424.159.999
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số dư đầu năm	74.956.508.149	266.982.196.820	14.856.111.950	918.107.986	357.712.924.905
- Khấu hao trong năm	5.587.660.824	30.219.988.418	1.595.159.988	139.645.683	37.542.454.913
- Giảm khác	(224.377.334)	-	-	-	(224.377.334)
Số dư cuối năm	80.319.791.639	297.202.185.238	16.451.271.938	1.057.753.669	395.031.002.484
Giá trị còn lại:					
Số dư đầu năm	100.382.202.679	66.336.015.442	4.957.623.078	257.198.538	171.933.039.737
Số dư cuối năm	94.794.541.855	38.718.979.296	3.362.463.090	117.552.855	136.993.537.096

**Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện –
Công ty TNHH Một thành viên**

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Bản quyền</i>	<i>Tài sản cố định vô hình khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:				
Số dư đầu năm	14.124.453.236	38.412.736	100.000.000	14.262.865.972
- Tăng trong năm	100.400.000	-	-	100.400.000
Số dư cuối năm	14.224.853.236	38.412.736	100.000.000	14.363.265.972
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã hao mòn hết</i>	2.421.040.431	38.412.736	-	2.459.453.167
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Số dư đầu năm	11.895.375.836	38.412.736	100.000.000	12.033.788.572
- Hao mòn trong năm	1.687.146.022	-	-	1.687.146.022
Số dư cuối năm	13.582.521.858	38.412.736	100.000.000	13.720.934.594
Giá trị còn lại:				
Số dư đầu năm	2.229.077.400	-	-	2.229.077.400
Số dư cuối năm	642.331.378	-	-	642.331.378

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Xây dựng toà nhà tại 67B Hàm Long	1.197.258.092	714.890.878
Cải tạo trụ sở Tổng Công ty tại 65 Lạc Trung	346.200.000	237.272.727
Khác	199.949.091	24.300.000
TỔNG CỘNG	1.743.407.183	976.463.605

**Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện –
Công ty TNHH Một thành viên**

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2019			Ngày 31 tháng 12 năm 2018		
	Giá gốc (VND)	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc (VND)	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con						
Công ty TNHH MTV Viễn thông số VTC	91.998.990.118	(3.125.376.151)		91.998.990.118	(3.125.376.151)	
Công ty TNHH MTV Giải pháp Công nghệ Truyền thông VTC	67.000.000.000	-		67.000.000.000	-	
Công ty Cổ phần VTC Dịch vụ Di động	4.023.613.967	-	(*)	4.023.613.967	-	(*)
Công ty Cổ phần NetViet Truyền thông Đa phương tiện	10.200.000.000	-	(*)	10.200.000.000	-	(*)
Công ty Cổ phần Kinh doanh Thiết bị & Truyền thông VTC (EAC)	7.650.000.000	-	(*)	7.650.000.000	-	(*)
	3.125.376.151	(3.125.376.151)	(*)	3.125.376.151	(3.125.376.151)	(*)
Đầu tư vào công ty liên kết						
Công ty Cổ phần VTC Truyền thông Trực tuyến	13.547.885.619	(13.547.885.619)		13.547.885.619	(13.547.885.619)	
Công ty Cổ phần Điện tử và Truyền hình cáp Việt Nam (CEC)	10.200.000.000	(10.200.000.000)	(*)	10.200.000.000	(10.200.000.000)	(*)
	3.347.885.619	(3.347.885.619)	(*)	3.347.885.619	(3.347.885.619)	(*)
Đầu tư khác						
Công ty Cổ phần Phát triển Truyền thông Truyền hình (CTC)	3.665.968.006	(460.489.562)		3.545.418.006	-	
Công ty Cổ phần Sản xuất và Dịch vụ Cáp Vina	2.365.968.006	-	(*)	2.245.418.006	-	(*)
	1.300.000.000	(460.489.562)	(*)	1.300.000.000	-	(*)
TỔNG CỘNG	109.212.843.743	(17.133.751.332)		109.092.293.743	(16.673.261.770)	

(*) Tổng Công ty không thể thu thập các thông tin cần thiết và thực hiện đánh giá giá trị hợp lý của cổ phiếu nắm giữ tại các công ty này do các cổ phiếu của các công ty này chưa được niêm yết trên sàn chứng khoán.

**Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện –
Công ty TNHH Một thành viên**

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.1 Đầu tư vào các công ty con

Tên đơn vị	Ngày 31 tháng 12 năm 2019		Ngày 31 tháng 12 năm 2018	
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)
Công ty TNHH MTV Viễn thông số VTC	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Giải pháp Công nghệ Truyền thông VTC	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần VTC Dịch vụ Di động	51%	51%	51%	51%
Công ty Cổ phần NetViet Truyền thông Đa phương tiện	51%	51%	51%	51%
Công ty Cổ phần Kinh doanh Thiết bị & Truyền thông VTC (EAC)	51%	51%	51%	51%

Thông tin chi tiết về các công ty con này được trình bày tại Thuyết minh số 1.

13.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên đơn vị	Ngày 31 tháng 12 năm 2019		Ngày 31 tháng 12 năm 2018	
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)
Công ty Cổ phần VTC Truyền thông Trực tuyến	42,42%	42,42%	42,42%	42,42%
Công ty Cổ phần Điện tử và Truyền hình cáp Việt Nam (CEC)	22,32%	22,32%	22,32%	22,32%

13.3 Đầu tư khác

Tên đơn vị	Ngày 31 tháng 12 năm 2019		Ngày 31 tháng 12 năm 2018	
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)
Công ty Cổ phần Phát triển Truyền thông Truyền hình (CTC)	7,88%	7,88%	7,48%	7,48%
Công ty Cổ phần Sản xuất và Dịch vụ Cáp Vina	8,67%	8,67%	8,67%	8,67%

**Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện –
Công ty TNHH Một thành viên**

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

14.1 Phải trả người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2019		Ngày 31 tháng 12 năm 2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho người bán	100.720.651.183	100.720.651.183	137.489.343.005	137.489.343.005
Công ty Cổ phần ASM Việt Nam	15.715.254.100	15.715.254.100	7.634.677.600	7.634.677.600
Công ty TT Viễn thông Điện lực-TTĐ. VT điện lực	11.553.391.551	11.553.391.551	11.553.391.551	11.553.391.551
Canicall, Inc	10.641.663.000	10.641.663.000	10.646.244.000	10.646.244.000
HK Hyperay Co., LTD	8.920.320.000	8.920.320.000	10.041.840.000	10.041.840.000
Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam	3.440.072.000	3.440.072.000	9.270.312.000	9.270.312.000
Công ty Cổ phần Gamota	2.804.780.800	2.804.780.800	5.013.212.800	5.013.212.800
Hanbitsoft Inc	2.635.540.357	2.635.540.357	2.359.465.361	2.359.465.361
Công ty TNHH C.M.Y.K Việt Nam	2.216.243.117	2.216.243.117	36.581.176.752	36.581.176.752
Phải trả cho người bán khác	42.793.386.258	42.793.386.258	44.389.022.941	44.389.022.941
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	51.405.076.670	51.405.076.670	67.328.081.297	67.328.081.297
TỔNG CỘNG	152.125.727.853	152.125.727.853	204.817.424.302	204.817.424.302

14.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn (*)	31.690.000.000	31.690.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Kinh Bắc (*)	30.700.200.000	30.700.200.000
Công ty Cổ phần Truyền thông Việt Nam (*)	24.498.000.000	24.498.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo (*)	15.958.000.000	15.958.000.000
Digital Planet, Setellite Broadcasting System Inc.	5.086.944.000	5.086.944.000
Michio Matsuo – Japan	6.705.000.000	-
Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Điện Biên	1.410.881.197	548.304.778
Người mua trả tiền trước khác		
TỔNG CỘNG	116.049.025.197	108.481.448.778

(*) Đây là các khoản tiền nhận góp vốn liên quan đến Hợp đồng Hợp tác thành lập Công ty Cổ phần Truyền thông VTC - Saigon Tel số 10/HĐ-SGT ngày 11 tháng 11 năm 2010 giữa Tổng Công ty và nhóm các công ty này. Khoản tiền góp vốn này một phần được sử dụng để mua sắm máy móc thiết bị truyền hình phục vụ cho hoạt động của Công ty Cổ phần Truyền thông VTC - Saigon Tel (xem Thuyết minh số 7). Tuy nhiên, hoạt động hợp tác kinh doanh giữa các bên hiện đang bị gián đoạn và Tổng Công ty và các công ty góp vốn này hiện đang tranh chấp liên quan đến Hợp đồng này (xem Thuyết minh số 30).

Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện –
Công ty TNHH Một thành viên

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm (Trình bày lại)	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp				
(Thuyết minh số 28.1)	3.557.177.957	537.095.716	6.053.212.272	(1.958.938.599)
Thuế giá trị gia tăng	1.220.314.590	148.226.007.020	144.918.003.731	4.528.317.879
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	2.524.365.409	2.524.365.409	-
Tiền thuế đất	-	1.883.423.540	1.883.423.540	-
Thuế khác	1.865.263.232	8.830.814.033	10.020.208.514	675.868.751
Thuế nhập khẩu	-	724.934	724.934	-
Thuế thu nhập cá nhân	289.738.373	5.370.086.569	4.684.739.973	975.084.969
TỔNG CỘNG	6.932.494.152	167.372.517.221	170.084.678.373	4.220.333.000
Trong đó:				
Phải thu	-			(1.958.938.599)
Phải nộp	6.932.494.152			6.179.271.599

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí thuê văn phòng phải trả Đài THKTS	46.842.433.182	30.448.598.886
Chi phí cập nhật chế độ cho đối tác SmileGate	2.469.670.200	3.486.750.000
Phải trả theo kết quả sơ thẩm của vụ kiện liên quan đến việc lắp đặt điều hòa tòa nhà 65 Lạc Trung	8.309.666.270	-
Chi phí chia sẻ doanh thu cho đối tác Shanghai Unigame và Vega Game	-	2.288.925.095
Chi phí phải trả khác	4.206.496.050	2.127.802.237
TỔNG CỘNG	61.828.265.702	38.352.076.218

17. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dịch vụ nội dung số	69.399.778.851	59.765.572.594
Dịch vụ truyền hình trả tiền	31.421.743.701	38.256.341.108
Dịch vụ cho thuê đường truyền vệ tinh	14.257.214.698	14.928.220.454
Dịch vụ cho thuê văn phòng	88.136.364	332.063.638
Doanh thu dịch vụ khác	638.582.045	-
TỔNG CỘNG	115.805.455.659	113.282.197.794

**Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện –
Công ty TNHH Một thành viên**

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dịch vụ thu hộ, cổng thanh toán	50.225.997.142	34.111.794.641
Các khoản phải trả cán bộ công nhân viên	8.706.939.252	177.278.461
Quỹ từ thiện thu hộ	1.732.565.306	8.178.040.486
Phải nộp ngân sách nhà nước (dự án MPEC4)	1.100.000.000	-
Kinh phí công đoàn và bảo hiểm	208.718.972	388.246.296
Lợi nhuận phải nộp vào ngân sách Nhà nước	-	18.519.780.955
Khoản đền bù thiệt hại phải trả	-	1.382.869.000
Khác	676.424.423	201.385.910
TỔNG CỘNG	62.650.645.095	62.959.395.749
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả ngắn hạn khác</i>	61.003.832.774	61.503.893.838
<i>Phải trả ngắn hạn với các bên liên quan (Thuyết minh số 29)</i>	1.646.812.321	1.455.501.911

Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện –
Công ty TNHH Một thành viên

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Số có khả năng trả nợ		Tăng	Giảm	Số có khả năng trả nợ		
	Giá trị				Giá trị		
Ngắn hạn							
Vay ngân hàng ngắn hạn (Thuyết minh số 19.1)	146.419.221.817	146.419.221.817	919.055.340.747	(964.215.292.337)	101.259.270.227	101.259.270.227	
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả	2.963.000.000	2.963.000.000	-	(2.963.000.000)	-	-	
Vay cá nhân	47.250.000	47.250.000	-	-	47.250.000	47.250.000	
TỔNG CỘNG	149.429.471.817	149.429.471.817	919.055.340.747	(967.178.292.337)	101.306.520.227	101.306.520.227	
Dài hạn							
Vay ngân hàng dài hạn	17.765.952.400	17.765.952.400	-	(17.765.952.400)	-	-	
TỔNG CỘNG	17.765.952.400	17.765.952.400	-	(17.765.952.400)	-	-	

**Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện –
Công ty TNHH Một thành viên**

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY (tiếp theo)

19.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – chi nhánh Hà Nội	23.642.939.566 77.616.330.661	16.488.678.019 118.800.674.294	Kỳ hạn vay 5-6 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 24 tháng 5 năm 2020 Kỳ hạn vay theo giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 2 tháng	7% 5,3% - 5,5%	- Cam kết trả thay theo Văn bản Ủy quyền số 112/UQ-VTC ngày 29/12/2017 của Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện. - Thẻ chấp Khoản phải thu theo HĐHT số 027/Noidungsothecao; - Máy móc thiết bị; và - Quyền tài sản hình thành trong tương lai: khu đất số 25 đường Đồng Đen, phường 10, quận Tân Bình, thành phố Hà Nội.
Ngân hàng TMCP Quân đội – chi nhánh Hai Bà Trưng	-	11.129.869.504	Kỳ hạn vay 4 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 24 tháng 4 năm 2019	6,5%	- Quyền tài sản-bất động sản trị giá 5,3 tỷ đồng; - Phần máy móc thiết bị của Công ty VTC Công nghệ và nội dung số và Khoản phải thu từ kinh doanh thẻ với Viettel với Công ty VTC Công nghệ và Nội dung số.
TỔNG CỘNG	101.259.270.227	146.419.221.817			

Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện –
Công ty TNHH Một thành viên

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Số dư đầu kỳ	74.185.718.499	75.374.882.191
Trích quỹ (*)	26.736.651.428	13.561.845.870
Sử dụng quỹ trong năm	(9.129.262.847)	(14.751.009.562)
Số dư cuối kỳ	91.793.107.080	74.185.718.499

(*) Tổng Công ty tự đánh giá được xếp hạng doanh nghiệp hạng A trong năm 2019, và do đó, đã tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi bằng toàn bộ lợi nhuận sau thuế trong năm với số tiền là 13.121.018.058 VND. Ngoài ra Tổng Công ty còn trích tăng quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2018 với số tiền là 13.615.633.370 VND và giảm phải nộp Ngân sách nhà nước số tiền tương ứng theo quyết định số 2263/QĐ-BTTTT ngày 25 tháng 12 năm 2019 về việc xếp loại doanh nghiệp năm 2018.

Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện –
Công ty TNHH Một thành viên

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển (Trình bày lại)	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
				Tổng cộng
Năm trước (Trình bày lại)				
Số dư đầu năm	222.795.973.935	194.587.754.025	-	417.383.727.960
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	55.085.564.737	55.085.564.737
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	16.525.669.420	(16.525.669.420)	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(13.561.845.870)	(13.561.845.870)
- Lợi nhuận còn lại phải nộp Ngân sách	-	-	(24.998.049.447)	(24.998.049.447)
- Giảm khác	-	(7.745.600.000)	-	(7.745.600.000)
Số dư cuối năm	222.795.973.935	203.367.823.445	-	426.163.797.380
Năm nay				
Số dư đầu năm	222.795.973.935	203.367.823.445	-	426.163.797.380
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	13.121.018.058	13.121.018.058
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	(13.121.018.058)	(13.121.018.058)
- Giảm khác (**)	(167.511.141.780)	-	-	(167.511.141.780)
Số dư cuối năm	55.284.832.155	203.367.823.445	-	258.652.655.600

(*) Tổng Công ty tự đánh giá được xếp hạng doanh nghiệp hạng A trong năm 2019, và do đó, đã tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi bằng toàn bộ lợi nhuận sau thuế trong năm với số tiền là 13.121.018.058 VND. Ngoài ra, Tổng Công ty còn trích tăng quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2018 với số tiền là 13.615.633.370 VND và giảm phải nộp Ngân sách nhà nước số tiền tương ứng theo quyết định số 2263/QĐ-BTTTT ngày 25 tháng 12 năm 2019 về việc xếp loại doanh nghiệp năm 2018.

(**) Trong năm, Tổng Công ty đã thực hiện điều chỉnh giảm vốn liên quan đến việc bàn giao tài sản, nợ phải trả và nguồn vốn chủ sở hữu liên quan đến Đài THKTS theo Biên bản bàn giao tài sản, tài chính từ Tổng Công ty cho Đài THKTS vào ngày 16 tháng 12 năm 2019 ký giữa Bộ Thông tin Truyền thông, Đài VOV, Tổng Công ty và Đài THKTS.

**Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện –
Công ty TNHH Một thành viên**

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. DOANH THU

22.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	1.484.060.782.346	2.011.830.944.138
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng hóa	497.978.687.071	682.491.513.091
Doanh thu cung cấp dịch vụ	986.082.095.275	1.329.339.431.047
Các khoản giảm trừ doanh thu	(48.273.545)	(121.954.458)
Doanh thu thuần	1.484.012.508.801	2.011.708.989.680
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên thứ ba	1.472.882.335.579	1.988.592.927.803
Doanh thu đối với các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	11.178.446.767	23.238.016.335

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.373.062.105	6.169.117.797
Lãi chênh lệch tỷ giá	359.152.049	322.323.624
TỔNG CỘNG	6.732.214.154	6.491.441.421

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	495.867.776.015	674.558.013.900
Giá vốn của dịch vụ đã cung ứng	802.240.743.433	1.114.216.860.327
TỔNG CỘNG	1.298.108.519.448	1.788.774.874.227

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	7.806.697.750	8.879.486.888
Lỗ chênh lệch tỷ giá	210.200.370	1.104.965.856
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	460.489.562	-
Chiết khấu thanh toán	-	13.083.200
TỔNG CỘNG	8.477.387.682	9.997.535.944

Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện –
Công ty TNHH Một thành viên

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
- Chi phí nhân viên	16.104.628.294	18.275.885.926
- Chi phí khấu hao	779.324.014	1.043.998.438
- Chi phí quảng cáo, hoa hồng đại lý	21.840.416.128	28.981.865.957
- Chi phí bảo hành sản phẩm	2.361.046.706	3.868.902.074
- Chi phí văn phòng	2.763.308.430	2.466.663.604
- Chi phí vận chuyển	6.551.993.952	5.238.024.675
- Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng	1.274.136.217	1.569.964.768
- Chi phí thuê cột, trạm, đường truyền, mặt bằng hạ tầng viễn thông	14.938.748.643	13.350.515.621
- Chi phí thuê cột trạm và đầu thu	2.943.264.377	1.056.989.045
- Chi phí trao thưởng game và sự kiện	2.015.531.381	3.721.584.291
- Chi phí khác	3.722.553.062	6.701.710.563
TỔNG CỘNG	75.294.951.204	86.276.104.962
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
- Chi phí nhân viên	58.254.817.671	42.085.277.325
- Chi phí khấu hao và phân bổ	7.337.766.939	13.360.404.999
- Chi phí công tác, tiếp khách và tổ chức hội nghị	13.911.334.788	17.857.617.242
- Trích lập dự phòng	1.655.915.700	344.012.336
- Chi phí văn phòng	6.012.831.787	7.312.605.578
- Chi phí sửa chữa bảo dưỡng	1.170.108.423	1.393.568.326
- Chi phí thuê tòa nhà 23 Lạc Trung	5.908.626.546	7.571.166.465
- Chi phí thuê đất, thuê đất	3.350.792.112	1.028.349.559
- Các chi phí khác	3.862.793.670	7.610.138.619
TỔNG CỘNG	101.464.987.636	98.563.140.449

26. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	14.585.676.178	48.940.415.210
Cổ tức, lợi nhuận được chia	13.130.859.154	32.334.307.328
Thu nhập từ tài trợ trò chơi	1.351.246.100	1.592.992.000
Tiền thu được từ thanh lý tài sản cố định	-	136.163.637
Thu nhập từ xóa sổ các khoản nợ tồn đọng lâu Khác	103.570.924	14.876.952.245
Chi phí khác	8.326.439.389	1.873.571.719
Chi phí từ thiện	-	1.144.411.731
Chi phí theo kết quả sơ thẩm của vụ kiện liên quan đến việc lắp đặt điều hòa tòa nhà 65 Lạc Trung	8.326.439.389	-
Chi phí khác	-	729.159.988
LỢI NHUẬN KHÁC	6.259.236.789	47.066.843.491

**Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện –
Công ty TNHH Một thành viên**

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất và chi phí mua hàng hóa để bán lại	1.131.999.306.602	1.357.782.737.579
Chi phí nhân viên	77.313.441.645	114.972.517.081
Chi phí khấu hao tài sản cố định	39.229.600.935	55.352.903.918
Chi phí dịch vụ mua ngoài	203.610.485.081	396.394.824.144
Chi phí khác	32.032.727.202	47.521.275.453
TỔNG CỘNG	1.484.185.561.465	1.972.024.258.175

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") của Tổng Công ty là 20% trên tổng thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

28.1 Chi phí thuế TNDN

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	537.095.716	26.570.054.273
TỔNG CỘNG	537.095.716	26.570.054.273

Dưới đây là đối chiếu giữa thu nhập chịu thuế và lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng :

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	13.658.113.774	81.655.619.010
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Công ty (20%)	2.731.622.755	16.331.123.802
Các điều chỉnh		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>		
Chi phí không hợp lý hợp lệ	431.644.792	222.232.694
Điều chỉnh tăng thuế do khoản lỗ dự phòng đầu tư chưa tính thuế năm 2016	-	16.483.559.243
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
Cổ tức và lợi nhuận được chia	(2.626.171.831)	(6.466.861.466)
Chi phí thuế TNDN	537.095.716	26.570.054.273

**Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện –
Công ty TNHH Một thành viên**

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

28.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Tổng Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Tổng Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

29. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Tổng Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty TNHH MTV Viễn thông số VTC	Công ty con	Bán hàng hóa và dịch vụ	5.310.839.198	17.290.844.522
		Cổ tức, lợi nhuận được chia	9.733.477.620	8.574.085.297
		Mua hàng hóa, dịch vụ	34.905.528.938	53.158.724.168
		Góp vốn	-	-
Công ty Cổ phần VTC Dịch vụ Di động	Công ty con	Bán hàng hóa và dịch vụ	3.634.988.369	3.690.096.154
		Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.257.751.708	19.501.294.909
		Mua hàng hóa và dịch vụ	128.204.389.546	104.529.498.333
Công ty TNHH MTV Giải pháp Công nghệ Truyền thông VTC	Công ty con	Cổ tức, lợi nhuận được chia	293.433.951	957.256.470
		Mua hàng hóa và dịch vụ	110.940.800	71.375.271.017
Công ty Cổ phần NetViet Truyền thông Đa phương tiện	Công ty con	Bán hàng hóa và dịch vụ	2.232.619.200	2.257.075.659
		Cổ tức, lợi nhuận được chia	630.982.875	1.514.120.232
Công ty Cổ phần VTC Truyền thông Trực tuyến	Công ty liên kết	Mua hàng hóa và dịch vụ	14.180.255.092	27.522.535.953
Công ty Cổ phần Phát triển Truyền thông Truyền hình (CTC)	Đầu tư khác	Cổ tức, lợi nhuận được chia	215.213.000	94.663.000
		Góp vốn	120.550.000	-

**Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện –
Công ty TNHH Một thành viên**

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:

Tổng Công ty bán hàng cũng như mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổng Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Tổng Công ty (ngày 31 tháng 12 năm 2018: mức trích lập dự phòng bằng không). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6.1)				
Công ty Cổ phần VTC Truyền thông Trực tuyến	Công ty liên kết	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	15.480.587.405	12.380.224.197
Công ty Cổ phần NetViet Truyền thông Đa phương tiện	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	11.027.199.721	8.543.815.721
Công ty TNHH MTV Viễn thông số VTC	Công ty liên kết	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	82.500.000	-
Công ty Cổ phần VTC Dịch vụ Di động	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	13.211.184
TỔNG CỘNG			26.590.287.126	20.937.251.102
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 7)				
Công ty TNHH MTV Giải pháp Công nghệ Truyền thông VTC	Công ty con	Cổ tức được chia	293.433.951	-
Công ty Cổ phần Phát triển Truyền thông Truyền hình (CTC)	Đầu tư khác	Phải thu khác	283.989.000	189.326.000
Công ty Cổ phần Điện tử và Truyền hình cáp Việt Nam (CEC)	Công ty liên kết	Phải thu khác	242.844.984	242.844.984
Công ty TNHH MTV Viễn thông số VTC	Công ty con	Cổ tức được chia	270.000	79.245.000
Công ty Cổ phần VTC Dịch vụ Di động	Công ty con	Cổ tức được chia	-	5.852.254.382
Công ty Cổ phần NetViet Truyền thông Đa phương tiện	Công ty con	Cổ tức được chia Chi phí chi hộ	- 2.947.966.667	1.514.120.232 651.227.000
TỔNG CỘNG			3.768.504.602	8.529.017.598

**Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện –
Công ty TNHH Một thành viên**

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 14.1)				
Công ty TNHH MTV Viễn thông số VTC	Công ty con	Mua hàng hóa, dịch vụ	25.251.895.021	34.303.511.204
Công ty TNHH MTV Giải pháp Công nghệ Truyền thông VTC	Công ty con	Mua hàng hóa, dịch vụ	13.483.370.062	21.047.166.915
Công ty Cổ phần VTC Dịch vụ Di động	Công ty con	Mua hàng hóa, dịch vụ	10.921.437.905	8.989.704.983
Công ty Cổ phần VTC Truyền thông Trực tuyến	Công ty con	Mua hàng hóa, dịch vụ	668.101.217	1.907.425.730
Công ty Cổ phần Sản xuất và Dịch vụ Cấp Vina	Đầu tư khác	Mua hàng hóa, dịch vụ	1.080.272.465	
Công ty Cổ phần Điện tử và Truyền hình cáp Việt Nam (CEC)	Công ty liên kết	Mua hàng hóa, dịch vụ	-	1.080.272.465
TỔNG CỘNG			51.405.076.670	67.328.081.297

Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 18)

Công ty Cổ phần VTC Dịch vụ Di động	Công ty con	Phải trả về thu chi hộ	1.646.812.321	1.455.501.911
TỔNG CỘNG			1.646.812.321	1.455.501.911

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Lương và thưởng	3.576.150.000	3.872.700.000
TỔNG CỘNG	3.576.150.000	3.872.700.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. CÁC CAM KẾT VÀ NỢ TIỀM TÀNG

Các cam kết

Tổng Công ty đang thuê các tầng văn phòng ở tòa nhà VTC – 23 Lạc Trung, tài sản của Đài VTC – Đài Tiếng nói Việt Nam, tuy nhiên hợp đồng và đơn giá thuê chưa được hai bên thống nhất.

Các tranh chấp

Tranh chấp liên quan đến Hợp đồng Hợp tác thành lập Công ty Cổ phần Truyền thông VTC - Saigon Tel

Theo Hợp đồng Hợp tác thành lập Công ty Cổ phần Truyền thông VTC - Saigon Tel ("SGT") số 10/HĐ-SGT ngày 11 tháng 11 năm 2010 giữa Công ty Cổ phần Viễn thông Không dây VTC ("VTC"), một đơn vị thành viên của Tổng Công ty, và Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103025781 ngày 11 tháng 7 năm 2008, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Truyền thông VTC - Saigontel là 500 tỷ VND, trong đó tỷ lệ vốn góp của SGT và nhóm các công ty có liên quan là 90% so với vốn điều lệ. Theo đó, SGT và nhóm các công ty có liên quan đã chuyển 102,8 tỷ VND cho Công ty Cổ phần Truyền thông Hữu Nghị (đơn vị được ủy quyền theo công văn của VTC) vào ngày 10 tháng 3 năm 2008 để Công ty Cổ phần Viễn thông Không dây VTC mua tài sản cho Công ty Cổ phần Truyền thông VTC - Saigontel.

Vào ngày 28 tháng 10 năm 2014, SGT đã gửi đơn kiện lên Tòa án Nhân dân Thành phố Hà Nội yêu cầu Công ty VTC hoàn trả số tiền đã nhận góp vốn và tiền phạt hợp đồng có liên quan do vi phạm các nghĩa vụ của Hợp đồng Hợp tác. Đến ngày 30 tháng 9 năm 2015, vụ kiện liên quan đến Hợp đồng Hợp tác nêu trên đang tạm đình chỉ theo Công văn số 10/2015/QĐ-TĐC của Tòa án Nhân dân Thành phố Hà Nội để Tòa tiếp tục thu thập các chứng cứ cần thiết từ các bên có liên quan. Tại ngày 29 tháng 3 năm 2019, Tòa án Nhân dân Thành phố Hà Nội đã ra Quyết định số 01/QĐPT-KDTM về việc tiếp tục giải quyết vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 56/2014/KDTM-ST ngày 23 tháng 12 năm 2014. Tuy nhiên, theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, Tổng Công ty sẽ không phải chịu bất cứ rủi ro, tổn thất nào liên quan đến vụ kiện này, và do đó, Tổng Công ty không trích lập dự phòng rủi ro tổn thất liên quan đến vụ kiện này trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, số tiền nhận góp vốn từ nhóm công ty SGT đang được Tổng Công ty ghi nhận như một khoản người mua trả tiền trước (Thuyết minh số 14.2) và 11 máy phát hình với tổng giá trị là 80 tỷ đồng được mua theo phạm vi của Hợp đồng Hợp tác được ghi nhận là hàng hóa cho mượn do lô máy phát hình này đã được bàn giao cho Đài THKTS sử dụng (Thuyết minh số 7).

**Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện –
Công ty TNHH Một thành viên**

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. TRÌNH BÀY LẠI CÁC DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được trình bày lại để điều chỉnh sai sót kế toán của các năm trước. Chi tiết như sau:

Đơn vị tính: VND

Mã số		Đã được trình bày trước đây	Trình bày lại	Được trình bày lại
	Bảng cân đối kế toán			
136	Phải thu ngắn hạn khác	517.502.915.162	(8.240.000.000)	509.262.915.162
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	8.580.494.152	(1.648.000.000)	6.932.494.152
319	Phải trả ngắn hạn khác	61.805.795.749	1.153.600.000	62.959.395.749
418	Quỹ đầu tư phát triển	211.113.423.445	(7.745.600.000)	203.367.823.445

Các điều chỉnh trên có liên quan đến các bút toán ghi giảm phải thu, giảm trích quỹ, giảm nghĩa vụ thuế liên quan đến doanh thu liên kết xã hội hóa thực hiện từ trước đến hết 2013 giữa Đài VTC – TV với Công ty Cổ phần Công nghệ và Truyền thông VIT khai thác kênh VTC8 theo hướng dẫn từ văn bản trả lời của Kiểm toán Nhà nước số 745/KVI-TH ngày 14 tháng 12 năm 2017.

32. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng của Công ty.

Người lập
Hoàng Bích Huệ

Kế toán trưởng
Trần Thị Lệ Hoa



Tổng Giám đốc
Đàm Mỹ Nghiệp

Ngày 30 tháng 3 năm 2020

